

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH K**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngọc Hồi, ngày 17 tháng 12 năm 2020

Số: 64/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH K

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 116, 118 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Đình Minh Q - sinh năm 1987;

- Chị Trương Thị Kim C - sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện N, tỉnh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 09 tháng 12 năm 2020, anh Trần Đình Minh Q và chị Trương Thị Kim C trình bày:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Đình Minh Q và chị Trương Thị Kim C kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh K, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng 08 năm về sau vợ chồng không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên anh chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cả hai cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Thời kỳ hôn nhân anh, chị sinh được hai con chung là Trần Đình Minh Đ – sinh ngày 07/01/2009 và Trần Đình Minh L – sinh ngày 22/4/2016 anh, chị thỏa thuận: Chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con đến khi hai con trưởng thành, tự lập được; Anh Q cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung, kể từ ngày 01/12/2020.

Trong bản tự khai của cháu Trần Đình Minh Đ – sinh ngày 07/01/2009, nguyện vọng của cháu khi bố, mẹ ly hôn cháu ở với mẹ, vì mẹ có điều kiện chăm lo, chăm sóc và quan tâm đến cháu nhiều hơn.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Trương Thị Kim C nhận chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Xét thấy:

* Về tố tụng: Căn cứ nội dung đơn yêu cầu của các đương sự và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Tòa án thụ lý giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành kiểm tra, việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu vẫn giữ quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung như đơn yêu cầu.

* Về Hôn nhân: Anh Trần Đình Minh Q và chị Trương Thị Kim C, thời kỳ hôn nhân, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng 08 năm về sau vợ chồng không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, đây là lý do của mục đích hôn nhân không đạt được, nên cả hai cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

* Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh, chị có hai con chung là Trần Đình Minh Đ – sinh ngày 07/01/2009 và Trần Đình Minh L – sinh ngày 22/4/2016. Trong bản tự khai của cháu Trần Đình Minh Đ, khi bố, mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là ở với mẹ, vì mẹ có điều kiện chăm lo, chăm sóc và quan tâm đến cháu nhiều hơn, thấy: Nguyện vọng của cháu Đ phù hợp với thỏa thuận nuôi con của anh, chị. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chị Trương Thị Kim C được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Đình Minh Đ – sinh ngày 07/01/2009 và Trần Đình Minh L – sinh ngày 22/4/2016 đến khi hai con trưởng thành, tự lập được, anh Trần Đình Minh Q cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày 01/12/2020 là hoàn toàn phù hợp. Chị Trương Thị Kim C là người trực tiếp nhận số tiền anh Trần Đình Minh Q cấp dưỡng.

Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng nuôi con, nếu bên phải cấp dưỡng không trả đủ số tiền cấp dưỡng hàng tháng nêu trên thì phải trả lãi đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận của các bên không quá 20%/năm.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã

hội. Vì vậy việc chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung của anh Trần Đình Minh Q và chị Trương Thị Kim C là hoàn toàn có căn cứ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đình Minh Q và chị Trương Thị Kim C.

- Về con chung: Chị Trương Thị Kim C được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Đình Minh Đ – sinh ngày 07/01/2009 và Trần Đình Minh L – sinh ngày 22/4/2016 đến khi hai con trưởng thành, tự lập được. Anh Trần Đình Minh Q cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung, kể từ ngày 01/12/2020, chị Trương Thị Kim C là người trực tiếp nhận số tiền anh Trần Đình Minh Q cấp dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt trong trường hợp người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng nuôi con, nếu bên phải cấp dưỡng không trả đủ số tiền cấp dưỡng hàng tháng nêu trên thì phải trả lãi đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận của các bên không quá 20%/năm.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng Điều 144; 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/BUBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trương Thị Kim C tự nguyện chịu toàn bộ số tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị Trương Thị Kim C đã nộp tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai số: AA/2016/0002566 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K, thành tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm. Đương sự đã nộp xong.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- UBND TT Plei Kần, huyện Ngọc Hồi
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự./.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Bá Khen